TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN THANH KHÊ - TP. ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2021/HS-ST
Ngày: 11-01-2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trịnh Đức Thiện
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Thế Quyết – Giáo viên nghỉ hưu
2. Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh – Nguyên Phó Chánh thanh tra quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Trần Thị Kim Ánh - Thư ký Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Bách - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hình sự sơ thẩm thụ lý số: 141/2020/TLST-HS ngày 08 tháng 10 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 141/2020/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 11 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 68/2020/HSST-QĐ ngày 17 tháng 11 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 70/2020/HSST-QĐ ngày 15 tháng 12 năm 2020 đối với bị cáo:

Lê Thị T, tên gọi khác: Không có; Sinh ngày 12/11/1970 tại thành phố Đ; Trú tại: Tổ 09, phường X, quận T, thành phố Đ; Nghề nghiệp: không; Trình độ văn hoá: 9/12; Dân tộc: kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: phật giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Văn L (c) và bà Trần Thị L (c); Chồng: không rõ; Con: Lê Văn T, sinh năm 1995;

Tiền án: Không.

Tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 05/01/2021, có mặt tại phiên tòa.

- Người đại diện hợp pháp của bị cáo:

Ông Lê Văn T, sinh năm 1964; Địa chỉ: Tổ 40, khu chung cư nhà C, phường N, quận S, thành phố Đ (*ông T là anh ruột của bị cáo Lê Thị T*) *Vắng mặt*.

- Người bào chữa cho bị cáo Lê Thị T: Ông Phạm Văn N – Luật sư Văn phòng Luật sư Quảng Đà thuộc Đoàn Luật sư thành phố Đà Nẵng; Địa chỉ: K242/4 đường Điện Biên Phủ, phường Chính Gián, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng (*Có mặt*).

- *Bị hại:*

1. Bà Phan Phạm Xuân Tr, sinh năm 1983;

Địa chỉ: Nhà số 72 đường Xuân Đán 2, tổ 20, phường X, quận T, thành phố Đ (*Vắng mặt*).

2. Ông Nguyễn Thanh Q, sinh năm 1987; Địa chỉ: 165A đường Huỳnh Ngọc H, phường H, quận T, thành phố Đ (*Vắng mặt*);

3. Bà Lê Thị V, sinh năm 1982; Địa chỉ: Thôn K, xã P, huyện P, tỉnh T (*Vắng mặt*).

- *Người làm chứng:* Anh Nguyễn Hữu Anh T, sinh năm 2001; Địa chỉ: Tổ 63, phường A, quận S, thành phố Đ (*Vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào các ngày 20/3/2020 và 25/3/2020, Lê Thị T đã thực hiện 03 vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng, cụ thể như sau:

Vụ 1: Khoảng 08 giờ ngày 20/3/2020, T đi bộ qua trước nhà số 60 đường Kỳ Đồng, phường Xuân Hà, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng thấy xe môtô hiệu Lead, biển kiểm soát 43D1-320.46 của bà Phan Phạm Xuân Tr đang dựng trên vỉa hè, không có người trông coi và trên xe có cắm sẵn chìa khóa xe nên T đã lén lút ngồi lên xe nổ máy và bỏ chạy, T sử dụng chiếc xe trộm cắp được để làm phương tiện đi lại cá nhân.

Vụ 2: Khoảng 17 giờ ngày 25/3/2020, Lê Thị T đi bộ qua trước nhà số 165 đường Huỳnh Ngọc Huệ, phường Hòa Khê, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng thấy không có ai nên T đi vào lén lút trộm 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6S và 01 điện thoại di động hiệu SamSung A80 của ông Nguyễn Thanh Q đang để trên bàn tại phòng khách rồi bỏ đi.

Vụ 3: Sau khi lấy trộm điện thoại của ông Nguyễn Thanh Q, Lê Thị T tiếp tục đi bộ đến trước quán nhậu "*Heo tộc*" ở số 333 đường Hà Huy Tập, phường Hòa Khê, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng nhìn thấy xe môtô hiệu Yamaha Sirius, biển kiểm soát 75H1-233.50 của bà Lê Thị V đang để trên vỉa hè phía trước quán, trên xe có cắm sẵn chìa khóa. Lợi dụng lúc không ai để ý, T đi đến ngồi lên xe nổ máy, bỏ chạy. Lúc này, bà V phát hiện thấy nên tri hô "*Trộm, trộm…*" và đuổi theo. T chạy đến trước nhà số 235 Huỳnh Ngọc Huệ, quận Thanh Khê thì bị anh Nguyễn Hữu Anh Tài bắt giữ được và điện thoại báo cơ quan Công an phường Hòa Khê đến lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, thu giữ được các tài sản mà T trộm cắp nêu trên.

Bản kết luận định giá tài sản vào ngày 26/3/2020 và ngày 31/3/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng quận Thanh Khê xác định: Xe môtô hiệu Honda Lead, biển kiểm soát 43D1-320.46 có giá trị 15.200.000 đồng; điện thoại di động hiệu Iphone 6S có giá trị 1.600.000 đồng; điện thoại di động SamSung A80 có giá trị 7.300.000 đồng; xe môtô hiệu

Yamaha Sirius có giá trị 11.400.000 đồng. Tổng giá trị tài sản mà T đã trộm cắp là 35.500.000 đồng.

Vật chứng thu giữ:

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6S;
- 01 điện thoại di động hiệu SamSung A80;
- 01 xe mô tô hiệu Honda Lead, Biển kiểm soát 43D1-320.46;
- 01 xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, biển kiểm soát 75H1-233.50;
- 01 chiếc mũ vải màu trắng.
- 01 Chiếc áo vải màu vàng.

Về xử lý vật chứng:

- Đối với 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6S và 01 điện thoại di động hiệu Samsung A80, đều là tài sản của ông Nguyễn Thanh Q nên Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an quận Thanh Khê đã trả lại cho ông Q.

- Đối với 01 xe môtô hiệu Yamaha Sirius, biển kiểm soát 75H1-233.50 thuộc sở hữu của bà Lê Thị V, Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an quận Thanh Khê đã trả lại cho bà V.

- Đối với 01 xe mô tô hiệu Lead, Biển kiểm soát 43D1-320.46 thuộc sở hữu của bà Phan Phạm Xuân Tr, Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng đã trả lại cho bà Tr.

- Đối với 01 chiếc mũ vải màu trắng và 01 chiếc áo vải màu vàng là vật chứng T sử dụng khi đi trộm cắp tài sản vào ngày 20/3/2020, hiện đang lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê.

Về trách nhiệm dân sự: Bà Tr, ông Q và bà V đã nhận lại tài sản bị trộm cắp, không yêu cầu đền bù gì và có đơn xin bãi nại, xin giảm nhẹ hình phạt cho Lê Thị T.

Quá trình điều tra ban đầu khi tại Cơ quan Công an phường Hòa Khê và Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an quận Thanh Khê, Lê Thị T đã khai nhận đầy đủ về các hành vi phạm tội trộm cắp tài sản đã thực hiện như đã nêu trên. Tuy nhiên, vào ngày 04/5/2020, Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an quận Thanh Khê tiến hành lấy lời khai đối với T thì T có biểu hiện của bệnh tâm thần, không trả lời được các câu hỏi của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an quận Thanh Khê.

Ngày 11/5/2020, Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an quận Thanh Khê đã ra Quyết định trưng cầu giám định số 88/ĐTTH gửi Trung tâm Pháp y tâm thần khu vực Miền trung để xác định tình trạng tâm thần của Lê Thị T trước, trong và sau khi thực hiện hành vi phạm tội vào ngày 25/3/2020.

Ngày 09/6/2020, Trung tâm giám định Pháp y tâm thần khu vực miền trung có kết luận giám định pháp y tâm thần số 455/KLGĐ xác định tình trạng tâm thần của Lê Thị T, cụ thể:

" Trước thời điểm gây án: Về khả năng nhận thức và khả năng điều khiển hành vi: Hạn chế khả năng nhận thức và khả năng điều khiển hành vi.*

** Tại thời điểm gây án:Về khả năng nhận thức và khả năng điều khiển hành vi: Hạn chế khả năng nhận thức và khả năng điều khiển hành vi.*

** Tại thời điểm hiện tại:Về khả năng nhận thức và khả năng điều khiển hành vi: Hạn chế khả năng nhận thức và khả năng điều khiển hành vi.*

Sau khi Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an quận Thanh Khê khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với Lê Thị T, quá trình điều tra, T không trả lời các câu hỏi của Điều tra viên và Kiểm sát viên khi được triệu tập lên làm việc. Sau đó, T không chấp hành giấy triệu tập của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an quận Thanh Khê để làm việc đồng thời khi cán bộ Điều tra, Kiểm sát viên và Luật sư bào chữa cho T đến làm việc thì T đóng cửa, không chịu làm việc.

Cáo trạng số 142/CT-VKS-TK ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng truy tố Lê Thị T về tội *"Trộm cắp tài sản"* theo quy định khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Lê Thị T trình bày nội dung sự việc và thừa nhận hành vi phạm tội của mình như bản Cáo trạng đã truy tố là đúng.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo Lê Thị T phạm tội: "*Trộm cắp tài sản*";

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s, q, r khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lê Thị T từ 09 đến 12 tháng tù giam.

- Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, tuyên: trả lại cho bị cáo 01 chiếc mũ vải màu trắng và 01 chiếc áo vải màu vàng là vật chứng bị cáo Lê Thị T sử dụng khi đi trộm cắp tài sản vào ngày 20/3/2020, hiện đang lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê.

- Về trách nhiện dân sự: Người bị hại đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì nên không đề cập giải quyết.

Bị cáo Lê Thị T không tranh luận, đối đáp gì với đại diện Viện kiểm sát.

Người bào chữa cho bị cáo Lê Thị T thống nhất với tội danh, điều luật mà Viện kiểm sát đã truy tố đối với bị cáo Lê Thị T. Tuy nhiên, xét hoàn cảnh của bị cáo sống một mình, bị cáo khi thực hiện hành vi phạm tội thì bị cáo không nhận thức được là vi phạm pháp luật; mục đích phạm tội của bị cáo chỉ là lấy tài sản của người khác làm phương tiện dùng tạm, bị cáo không nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật; tại kết luận giám định pháp y tâm thần khu vực miền trung kết luận trước khi gây án, tại thời điểm gây án và thời điểm hiện tại Lê Thị T bị hạn chế khả năng nhận thức và khả năng điều khiển hành vi, đối tượng cần được điều trị ngoại trú liên tục; bị cáo T có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173 và Điều 36 của Bộ luật hình sự, áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo để bị cáo có điều kiện được điều trị ngoại trú để phục hồi khả năng nhận thức và khả năng điều khiển hành vi.

Đại diện Viện kiểm sát tranh luận, đối đáp với người bào chữa cho bị cáo Lê Thị T đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận đề nghị của người bào chữa cho bị cáo T là áp dụng cải tạo không giam giữ vì hành vi của bị cáo Lê Thị T là nguy hiểm cho xã hội, ý thức chấp hành pháp luật của bị cáo kém.

Bị cáo Lê Thị T nói lời sau cùng: Thưa Hội đồng xét xử, bị cáo rất ăn năn, hối hận về hành vi vi phạm của mình, bị cáo hứa sẽ không tái phạm, mong Hội đồng xét xử trả tự do cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo cũng như những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Xét tính chất vụ án, hành vi phạm tội của bị cáo thì thấy:

Qua xem xét lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay; lời khai của người bị hại; lời khai của người làm chứng; biên bản bắt người phạm tội quả tang; biên bản kết luận định giá tài sản cũng như các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Vào ngày 20/03/2020 và ngày 25/03/2020, lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu, bị cáo Lê Thị T đã thực hiện 03 vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. Theo Bản kết luận định giá tài sản ngày 26/3/2020 và ngày 31/3/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng quận Thanh Khê xác định: Xe môtô hiệu Honda Lead, biển kiểm soát 43D1-320.46 có giá trị 15.200.000 đồng; điện thoại di động hiệu Iphone 6S có giá trị 1.600.000 đồng; điện thoại di động SamSung A80 có giá trị 7.300.000 đồng; xe môtô hiệu Yamaha Sirius có giá trị 11.400.000 đồng. Tổng giá trị tài sản mà bị cáo T đã trộm cắp là 35.500.000 đồng. Hành vi của bị cáo Lê Thị T đã phạm vào tội "*Trộm cắp tài sản*" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng đã truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Xét thấy, bị cáo Lê Thị T là người đã trưởng thành, có năng lực điều khiển hành vi, có sức khỏe, nhưng không chịu lao động chân chính bằng sức lao động của mình, muốn chiếm đoạt tài sản của người khác thành tài sản của mình nên bị cáo đã phạm tội. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật tôn trọng và bảo vệ, gây mất an ninh trật tự tại địa phương; bị cáo không chấp hành giấy triệu tập của Tòa án khi Tòa án mở phiên tòa lần thứ nhất vào ngày 17 tháng 11 năm 2020 và lần thứ hai vào ngày 15 tháng 12 năm 2020, gây khó khăn cho các cơ quan tiến hành tố tụng trong việc đấu tranh phòng chống tội phạm, làm cho việc giải quyết vụ án kéo dài, thể hiện sự xem thường pháp luật. Vì vậy, cần phải xử phạt bị cáo mức án tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra, cần tiếp tục cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, để bị cáo có điều kiện cải tạo, giáo

dục, tu dưỡng để trở thành công dân có ích cho xã hội, đồng thời răn đe và phòng ngừa chung.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội hai lần trở lên theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo là người có bệnh bị hạn chế khả năng nhận thức; ngoài lần phạm tội bị bắt quả tang bị cáo tự thú khai ra vụ trộm cắp khác; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; người bị hại có đơn bãi nại, xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm q, r, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Hội đồng xét xử thấy cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo khi quyết định hình phạt.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm nên không đề cập.

[6] Xử lý vật chứng:

- Đối với 01 chiếc mũ vải màu trắng và 01 chiếc áo vải màu vàng là vật chứng bị cáo Lê Thị T sử dụng khi đi trộm cắp tài sản vào ngày 20/3/2020, không liên quan đến tội phạm nên cần tuyên trả lại cho bị cáo.

- Các vật chứng mà bị cáo Lê Thị T đã trộm cắp là: 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6S; 01 điện thoại di động hiệu Samsung A80, 01 xe môtô hiệu Yamaha Sirius, biển kiểm soát 75H1-233.50 và 01 xe mô tô hiệu Lead, Biển kiểm soát 43D1-320.46, Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng đã trả lại cho những người bị hại là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[7] Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát và người bào chữa cho bị cáo về điều luật áp dụng, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ theo quy định tại khoản 1 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm q, r, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về mức hình phạt áp dụng đối với bị cáo từ 09 đến 12 tháng tù giam là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Đối với đề nghị của người bào chữa cho bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 36 của Bộ luật hình sự là áp dụng biện pháp cải tạo không giam giữ đối với bị cáo Lê Thị T để bị cáo có điều kiện được tại ngoại để có điều kiện chữa bệnh. Hội đồng xét xử xét thấy, hành vi của bị cáo T là nguy hiểm cho xã hội, tuy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự nhưng bị cáo phạm tội có tình tiết tăng nặng là phạm tội hai lần trở lên theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự; bị cáo không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án thể hiện sự xem thường pháp luật, nếu áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo là không thể hiện tính răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung; không có ý nghĩa

trong việc đấu tranh phòng chống tội phạm nên Hội đồng xét xử không chấp nhận đề nghị của người bào chữa cho bị cáo.

[10] Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Lê Thị T phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm q, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự;

- Căn cứ vào Điều 106; Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố: Bị cáo Lê Thị T phạm tội *"Trộm cắp tài sản"*.

Xử phạt: Bị cáo Lê Thị T **01** (*một*) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 05 tháng 01 năm 2021.

2. Về xử lý vật chứng: Tuyên trả lại cho bị cáo Lê Thị T 01 chiếc mũ vải màu trắng và 01 chiếc áo vải màu vàng (*Vật chứng nêu trên hiện đang lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 08/10/2020 giữa đại diện Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an quận Thanh Khê với đại diện Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng).*

3. Án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Lê Thị T phải chịu 200.000đ (*hai trăm nghìn đồng*).

4. Án xử sơ thẩm công khai, bị cáo và người bào chữa cho bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người đại diện hợp pháp của bị cáo là ông Lê Văn T và những người bị hại vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết trích sao bản án.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Viện KSND quận Thanh Khê;
- Viện KSND TP. Đà Nẵng;
- Tòa án nhân dân TP. Đà Nẵng;
- Sở tư pháp TP. Đà Nẵng;
- Chi cục THADS quận Thanh Khê;
- Cơ quan CSĐT CA quận Thanh Khê;
- Cơ quan THAHS CA quận Thanh Khê;
- Trại tạm giam Công an thành phố Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trịnh Đức Thiện